

Số: 222/BC-MTTQ-BTT

An Giang, ngày 12 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO

Khảo sát dư luận xã hội về sự hài lòng của người dân đối với chủ trương chính sách xóa bỏ nhà tạm, nhà dột nát và vấn đề tinh gọn bộ máy nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang

A. TỔNG QUAN VỀ MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA CUỘC ĐIỀU TRA

Thực hiện chương trình công tác trọng tâm năm 2025, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh phối hợp với Trường Đại học An Giang tổ chức cuộc khảo sát dư luận trong Nhân dân (đợt 1) đối với Chủ trương xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh An Giang, đồng thời nắm bắt những thuận lợi, khó khăn của nội bộ và nhân dân trong quá trình tinh gọn bộ máy nhà nước tại tỉnh An Giang.

Mục đích của cuộc khảo sát là đánh giá khách quan, phản ánh sát đúng thực tế, xác định tác động của quá trình tinh gọn bộ máy lên chất lượng dịch vụ công, từ đó nhận diện các thuận lợi và hạn chế để đề xuất giải pháp cải thiện quản lý hành chính và nắm bắt đời sống, tâm tư, nguyện vọng của nhân dân. Xác định mức độ hài lòng của nội bộ và Nhân dân trong tỉnh đối với chủ trương xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh; đồng thời, nắm bắt đời sống, tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, đánh giá mức độ ảnh hưởng của chính sách này đến đời sống và kinh tế của người dân, xác định các vấn đề phát sinh để tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn đúng quy định, kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đảm bảo việc hỗ trợ đúng đối tượng, đúng mục đích và có hiệu quả.

B. NỘI DUNG, ĐỐI TƯỢNG, QUY MÔ CUỘC ĐIỀU TRA

I. Nội dung, đối tượng trưng cầu ý kiến

Cuộc khảo sát tập trung tổng hợp và đánh giá khách quan, phản ánh sát đúng thực tế, xác định tác động của quá trình tinh gọn bộ máy lên chất lượng dịch vụ công, từ đó nhận diện các thuận lợi và hạn chế để đề xuất giải pháp cải thiện quản lý hành chính và nắm bắt đời sống, tâm tư, nguyện vọng của nhân dân. Đồng thời, xác định mức độ hài lòng của nội bộ và Nhân dân trong tỉnh đối với chủ trương xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh; nắm bắt đời sống, tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, đánh giá mức độ ảnh hưởng của chính sách này đến đời sống và kinh tế của người dân, xác định các vấn đề phát sinh để tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn đúng quy định, kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đảm bảo việc hỗ trợ đúng đối tượng, đúng mục đích và có hiệu quả. Đối tượng tham gia khảo sát là Nhân dân và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, doanh nghiệp đang sinh sống và làm việc tại 11 huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh An Giang. Việc khảo sát, lấy ý kiến từ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân là dựa trên tinh thần tự nguyện, khách quan và dân chủ.

II. Quy mô, phạm vi, thời gian thực hiện điều tra

Cuộc điều tra được triển khai trên quy mô toàn tỉnh An Giang với tổng số 1.617 phiếu khảo sát hợp lệ, đảm bảo tính đại diện và phản ánh đa chiều các nhóm đối tượng. Phương pháp chọn mẫu được áp dụng là chọn mẫu có chủ đích, dựa trên đặc điểm hành chính và cơ cấu dân cư từng địa phương. Mẫu được phân bổ hợp lý giữa các khu vực: tại TP Long Xuyên, TP Châu Đốc, thị xã Tân Châu, thị xã Tịnh Biên và các huyện Châu Thành, Châu Phú, An Phú, Tri Tôn, mỗi địa phương thu thập 120 phiếu, trong đó 100 phiếu từ người dân và 20 phiếu từ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Các huyện Phú Tân, Chợ Mới và Thoại Sơn có số lượng mẫu lớn hơn (160 phiếu mỗi huyện), gồm 120 phiếu từ người dân và 40 phiếu từ nhóm cán bộ và người lao động khu vực công. Ngoài ra, tại các cơ quan Đảng, đoàn thể và đơn vị hành chính sự nghiệp cấp tỉnh, cũng có 160 phiếu được thu thập từ các cán bộ, công chức, viên chức.

Về hình thức thực hiện, khảo sát được tiến hành theo hai phương thức song song nhằm tăng độ bao phủ và linh hoạt trong thu thập dữ liệu. Một phần khảo sát được thực hiện trực tiếp thông qua phát phiếu tại 11 huyện, thị xã, thành phố. Phần còn lại được thực hiện trực tuyến qua nền tảng phần mềm Odoo, giúp mở rộng phạm vi tiếp cận và đảm bảo tiến độ triển khai. Việc kết hợp cả hai hình thức giúp tăng độ tin cậy cho dữ liệu, đồng thời phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương trong giai đoạn khảo sát.

Thời gian khảo sát từ ngày 10/4/2025 đến ngày 28/5/2025.

III. Phương pháp và công cụ điều tra

Dữ liệu của cuộc khảo sát được thu thập chủ yếu dựa trên 01 bảng hỏi (bao gồm cả câu hỏi đóng và câu hỏi mở). Sau khi hoàn tất việc khảo sát, dữ liệu điều tra được nhập liệu và phân tích trên phần mềm thống kê SPSS. Đối với dữ liệu định lượng, các số liệu được tổng hợp và phân tích đa chiều theo các bảng biểu, so sánh tương quan, chỉ số khác biệt giữa các ý kiến. Trên cơ sở các số liệu đã thu nhận được, báo cáo kết quả điều tra dư luận xã hội sẽ được hình thành theo mục đích, yêu cầu của cuộc khảo sát.

C. KẾT QUẢ THU THẬP THÔNG TIN

I. Thông tin chung về đối tượng được trưng cầu ý kiến

Trong 1.617 người được trưng cầu ý kiến thì có 40,8% người là đảng viên; 40,0% người là cán bộ, công chức, viên chức (nội bộ); 97,7% là người dân tộc kinh; 33,0% người theo đạo Phật, 24,4% người theo đạo Phật giáo Hòa Hảo, 37,8% người không theo tôn giáo nào.

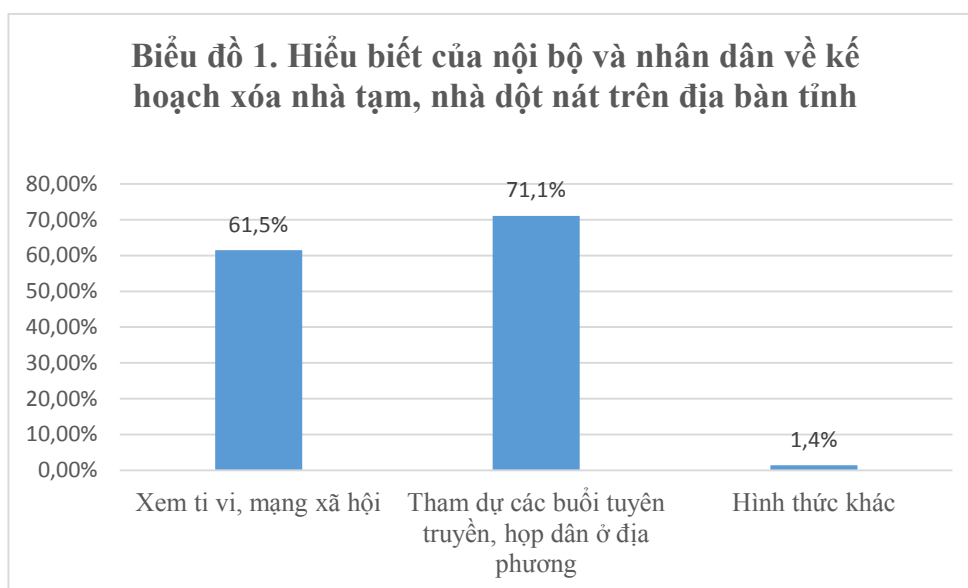
Về trình độ học vấn, 16,2% người có trình độ học vấn ở bậc trung học phổ thông, 21,6% người có trình độ học vấn ở bậc trung học cơ sở; 17,1% người có trình độ học vấn ở bậc tiểu học và 1,2% người không biết đọc, biết viết. Đối với những người có chuyên môn (631 người) thì có 39,0% người tốt nghiệp đại học, 3,1% người tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp và 1,7% người tốt nghiệp sau đại học.

Độ tuổi trung bình của người được trưng cầu ý kiến là 44,31 % tuổi.

II. NHỮNG VẤN ĐỀ VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ XÓA NHÀ TẠM, NHÀ DỘT NÁT TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG

1. Về hiểu biết về kế hoạch xóa nhà tạm, nhà đột nát trên địa bàn tỉnh

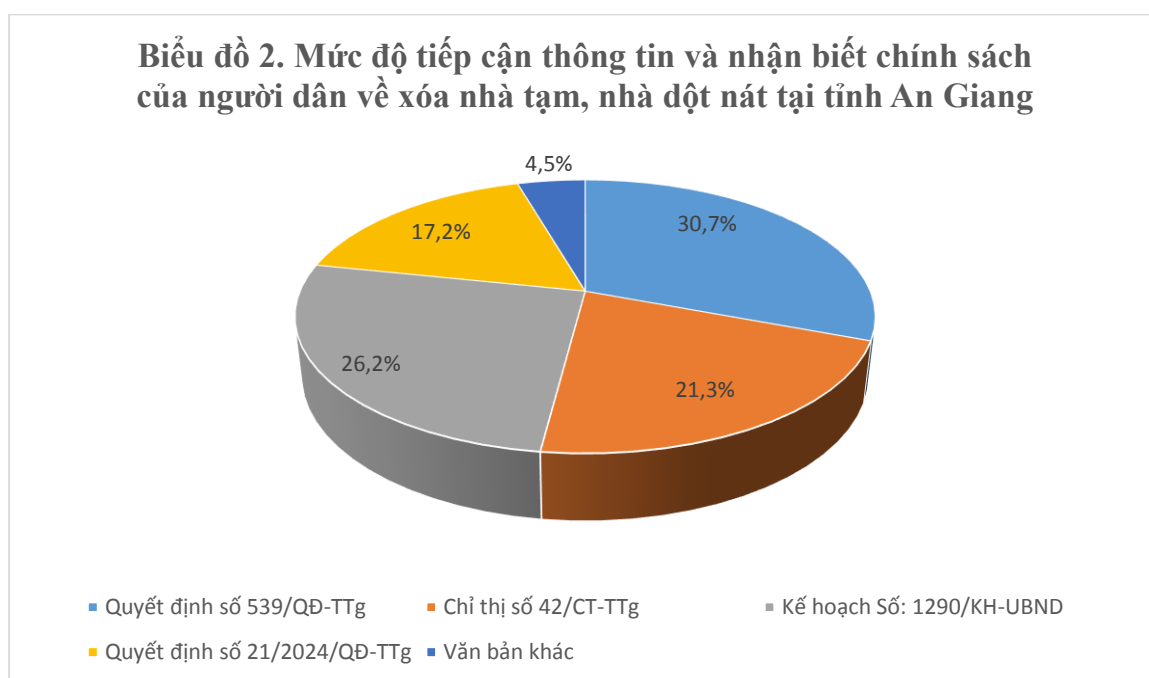
Trong 1.617 người tham gia khảo sát những hiểu biết về kế hoạch xóa nhà tạm, nhà đột nát trên địa bàn tỉnh đã cho thấy, phần lớn nội bộ và nhân dân đều biết về chủ trương hoặc kế hoạch xóa nhà tạm, nhà đột nát với tỷ lệ 94,1%, chỉ có 5,9% tỷ lệ người dân chưa biết đến chủ trương này, bên cạnh, tỷ lệ người dân tiếp cận thông tin qua các kênh chính thức khá cao như tuyên truyền, họp dân tại địa phương là hình thức được nhiều người dân tham gia nhất, chiếm tỷ lệ cao nhất ở mọi nhóm nghề, đặc biệt là công chức, viên chức (71.1%).



Có thể nhận thấy rằng người dân tại tỉnh An Giang đã tiếp cận thông tin liên quan đến chính sách xóa nhà tạm, nhà đột nát thông qua hai kênh chính là các buổi họp dân, tuyên truyền tại địa phương (chiếm 67.2%) và truyền hình, mạng xã hội (chiếm 61.3%). Trong đó, cán bộ công chức, viên chức và người buôn bán/kinh doanh có tỷ lệ tiếp cận cao hơn so với nhóm lao động phổ thông, làm thuê. Điều này phản ánh rằng việc tổ chức tuyên truyền tại cơ sở vẫn đóng vai trò chủ đạo, nhưng cũng cần tăng cường hơn nữa việc phổ biến thông tin cho nhóm dễ bị bỏ sót, đặc biệt là người lao động không ổn định.

Từ khả năng tiếp cận thông tin như trên, khảo sát mức độ nhận biết cụ thể về các văn bản chính sách của người dân. Kết quả cho thấy Quyết định số 539/QĐ-TTg là văn bản được biết đến nhiều nhất với 61.0% số người khảo sát biết đến, tiếp theo là Kế hoạch số 1290/KH-UBND của UBND tỉnh (52.1%), Chỉ thị số 42/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ (42.4%) và Quyết định số 21/2024/QĐ-TTg (34.3%). Điều này cho thấy mức độ nhận biết chính sách tuy khá rộng, nhưng chưa đồng đều, đặc biệt đối với các văn bản mới, có tính địa phương hóa cao, vốn là những văn bản mang tính thực thi cụ thể tại tỉnh An Giang. Tổng số lượt chọn văn bản là 3.092, vượt quá số người khảo sát do mỗi người có thể chọn nhiều văn bản. Trung bình, mỗi người biết khoảng 1.99 văn bản, cho thấy việc truyền thông vẫn còn khoảng trống cần bổ

sung để người dân hiểu rõ và đầy đủ hơn về hệ thống văn bản chính sách có liên quan. (Xem biểu đồ 2).



2. Đánh giá cụ thể của người dân về quá trình triển khai và hiệu quả thực hiện chủ trương xóa nhà tạm, nhà dột nát hiện nay

Tiến hành xem xét đánh giá sâu của người dân về quá trình triển khai và hiệu quả thực hiện chủ trương xóa nhà tạm, nhà dột nát. Kết quả cho thấy người dân không chỉ nắm được thông tin chính sách mà còn có những quan sát và phản hồi cụ thể về quá trình thực hiện, từ khâu xét duyệt, hỗ trợ, xây dựng cho đến giám sát và đánh giá sau khi bàn giao. Tổng cộng có 11.750 lượt chọn, cho thấy người dân quan tâm sâu sắc đến nhiều khía cạnh của chính sách, với trung bình mỗi người chọn khoảng 7 đến 8 nội dung, phản ánh mức độ nhận thức và tham gia rất cao, cụ thể:

- Công tác tuyên truyền triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát

Khảo sát nhận định của người dân về mức độ hiệu quả của công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin về chính sách xóa nhà tạm, nhà dột nát – một khâu then chốt trong việc đưa chính sách đến với người dân, tạo sự đồng thuận và tham gia tích cực của cộng đồng.

Có 91,9% người dân đánh giá công tác tuyên truyền là “Tốt” hoặc “Rất tốt”, trong đó riêng mức “Rất tốt” chiếm tới 60%, một con số rất ấn tượng cho thấy chính sách đã được truyền thông một cách hiệu quả, sâu rộng đến người dân. Tỷ lệ người chọn “Chưa tốt” hoặc “Bình thường” chỉ ở mức 5,9%, và chỉ 2,2% không biết về nội dung tuyên truyền, cho thấy độ bao phủ của thông tin rất cao. Kết quả này cũng phù hợp và nhất quán với dữ liệu từ tiếp cận thông tin liên quan đến chính sách xóa nhà tạm, nhà dột nát ở trên, trong đó tỷ lệ người dân tiếp cận thông tin qua TV, mạng xã hội và họp dân đều đạt trên 60%, khẳng định hiệu quả của việc kết hợp đa dạng các kênh truyền thông. Với gần 92% đánh giá tích cực, có thể khẳng định công tác tuyên truyền là một trong những điểm mạnh nhất trong toàn bộ quy trình triển khai chính sách xóa nhà tạm, nhà dột nát tại tỉnh An Giang.

- Tham gia họp dân hoặc lấy ý kiến người dân về xét duyệt danh sách được hỗ trợ nhà trong chủ trương

Tập trung khảo sát mức độ tham gia thực tế của người dân trong quy trình ra quyết định tại cộng đồng, cụ thể là việc xét duyệt danh sách hộ đủ điều kiện được hỗ trợ xây nhà thể hiện tính công khai, minh bạch và dân chủ trong triển khai chính sách tại cơ sở.

Kết quả khảo sát cho thấy, 76,1% người dân cho biết họ đã tham gia họp dân hoặc được lấy ý kiến xét duyệt danh sách hỗ trợ nhà ở. Đây là một tỷ lệ rất cao, cho thấy chính quyền cấp cơ sở đã tổ chức tương đối tốt việc tham vấn cộng đồng, giúp người dân được tham gia và giám sát trực tiếp quá trình xét chọn đối tượng thụ hưởng. Tuy nhiên, vẫn còn 23,7% người dân không tham gia, tương ứng với gần 1/4 số người khảo sát, là một con số không nhỏ và cần được xem xét kỹ hơn: Có thể do họ không thuộc nhóm đối tượng tiềm năng được hỗ trợ, nên không được mời dự. Hoặc cũng có thể là do quá trình tổ chức họp dân chưa thực sự toàn diện, rộng khắp, đặc biệt ở một số địa bàn khó khăn, vùng sâu, vùng xa. Sự tham gia của người dân vào quá trình xét duyệt là điểm mạnh, góp phần đảm bảo tính công khai, dân chủ và minh bạch trong thực hiện chính sách. Đây cũng là yếu tố tạo niềm tin và sự đồng thuận từ cộng đồng.

- Xét duyệt hộ gia đình được hỗ trợ cất nhà

Xem xét những tiêu chí quan trọng phản ánh niềm tin của người dân vào sự minh bạch, công tâm của chính sách xóa nhà tạm, nhà dột nát tại địa phương. Khảo sát đã tiến hành đánh giá mức độ công bằng trong việc xét duyệt hộ gia đình được hỗ trợ xây dựng nhà ở

Tổng cộng 95,8% người dân đánh giá việc xét duyệt là từ “Công bằng” đến “Rất công bằng”, trong đó hơn một nửa (52,7%) cho rằng “Rất công bằng” – điều này phản ánh sự tín nhiệm cao của người dân đối với quá trình xét chọn hộ được hỗ trợ. Tỷ lệ “Chưa công bằng” chỉ chiếm 0,5%, và “ý kiến khác” hoặc không rõ chỉ 3,7%, cho thấy hệ thống xét duyệt tại cơ sở được vận hành khá minh bạch, ít tạo ra tranh cãi hay bức xúc trong cộng đồng. Tỷ lệ người chọn “Khá công bằng” và “Công bằng” (khoảng 43%) cũng cho thấy rằng một bộ phận người dân vẫn giữ thái độ trung lập hoặc có phần dè dặt, phản ánh mong muốn về sự minh bạch hơn nữa, hoặc có thể họ chứng kiến một số tình huống chưa hoàn toàn rõ ràng, dù không nghiêm trọng.

- Nhận thức của người dân về mức hỗ trợ cụ thể của Nhà nước để xây dựng nhà ở.

Nhằm đánh giá mức độ hiểu biết của người dân về số tiền cụ thể mà nhà nước hỗ trợ, tức là mức hỗ trợ bằng vật chất/tiền mặt được áp dụng trong thực tiễn. Đây là yếu tố rất quan trọng vì ảnh hưởng trực tiếp đến kỳ vọng, khả năng đối ứng, và sự hài lòng của người dân trong quá trình thụ hưởng chính sách.

Tỷ lệ người dân biết rõ số tiền hỗ trợ là rất cao: 86,3%, cho thấy công tác tuyên truyền không chỉ dừng ở mức khái quát (mục tiêu, đối tượng, quy trình) mà còn chuyên tải thành công thông tin cụ thể, thiết thực nhất – đó là mức hỗ trợ tài chính. Ngược lại, vẫn còn 13,7% người dân không biết về mức hỗ trợ. Nhóm này cần được chú ý vì có thể rơi vào các trường hợp sau: Không nằm trong nhóm đối tượng trực tiếp hưởng lợi nên chưa quan tâm. Hoặc thuộc nhóm dễ bị bỏ sót thông tin: người cao tuổi, lao động tự do, người dân vùng sâu, ít tiếp xúc truyền thông...

Mức độ nhận thức cao là một yếu tố tích cực, phản ánh chất lượng công tác thông tin – truyền thông tại địa phương. Điều này đồng thời giúp hạn chế các hiểu nhầm, kỳ vọng sai lệch hoặc tình trạng đòi hỏi vượt mức, vốn thường phát sinh trong các chính sách hỗ trợ có liên quan đến tài chính.

Việc người dân biết rõ mức hỗ trợ giúp tăng tính chủ động và trách nhiệm trong xây dựng nhà ở, bởi họ có thể tự cân đối, huy động thêm nguồn lực đối ứng, đồng thời giám sát chặt chẽ hơn quá trình sử dụng kinh phí và chất lượng công trình được xây dựng. Tuy nhiên, 13,7% “không biết” không phải là con số nhỏ. Nếu rơi vào đúng nhóm được hỗ trợ mà lại không biết mức hỗ trợ thì có nguy cơ dẫn đến thiếu giám sát, bị động hoặc thậm chí bị lợi dụng, đặc biệt trong trường hợp hỗ trợ không bằng tiền mặt mà qua trung gian (vật tư, nhà thầu).

Xem xét số tiền hỗ trợ cất nhà theo địa phương và mối liên hệ với mức độ công bằng, minh bạch trong xét duyệt cũng cho thấy, Theo quy định chính sách tại thời điểm khảo sát, mức hỗ trợ chuẩn cho người dân thuộc diện xóa nhà tạm, nhà dột nát là 60 triệu đồng/hộ. Kết quả từ bảng khảo sát cho thấy trong tổng số 1.404 người được hỏi về mức hỗ trợ, có 1.079 người (76,8%) trả lời đúng là được hỗ trợ 60 triệu đồng, 302 người (21,5%) cho rằng chỉ được hỗ trợ 50 triệu đồng, và 23 người (1,6%) nêu mức hỗ trợ khác. Xét theo địa phương, hiện tượng người dân trả lời mức hỗ trợ là 50 triệu đồng xuất hiện tại tất cả các huyện, trong đó cao nhất tại Huyện Phú Tân (47 người), Huyện Chợ Mới (45 người), và TP. Long Xuyên (43 người), nguyên nhân cũng có thể các đối tượng này không nằm trong đối tượng được hỗ trợ.

Việc gần 1/4 người dân không nắm đúng mức hỗ trợ chuẩn cũng gợi mở câu hỏi quan trọng về tính minh bạch và công bằng trong xét duyệt và công khai thông tin, đặc biệt là ở cấp cơ sở. Bởi lẽ, nếu thông tin không được niêm yết rõ ràng, không phổ biến đến từng hộ, thì rất dễ dẫn đến hiểu nhầm, thậm chí là nghi ngờ về tính công bằng, nhất là khi các hộ trong cùng một ấp, khóm nhận được mức hỗ trợ khác nhau.

Dữ liệu này càng có ý nghĩa khi đặt trong bối cảnh câu hỏi trước đó về đánh giá công bằng trong xét duyệt hỗ trợ, trong đó 95,8% người dân cho rằng việc xét duyệt là công bằng hoặc rất công bằng. Tuy nhiên, nếu thực tế mức hỗ trợ được truyền đạt thiếu thống nhất, hoặc người dân không hiểu rõ lý do vì sao mức hỗ trợ có chênh lệch, vẫn cần đẩy mạnh công khai thông tin chính sách, thống nhất trong truyền thông và giải thích rõ ràng những ngoại lệ. Đây chính là điều kiện then chốt để nâng cao hơn nữa mức độ tin tưởng, hài lòng và tính minh bạch của chính sách an sinh tại địa phương.(xem bảng 1).

Bảng 1. Tỷ lệ (%) mức hỗ trợ nhà ở theo địa phương

Địa phương	50 triệu(%)	60 triệu(%)	Số khác(%)
------------	-------------	-------------	------------

TP. Long Xuyên	19.5%	78.3%	2.3%
TP. Châu Đốc	25.0%	71.7%	3.3%
TX. Tân Châu	13.7%	81.2%	5.1%
TX. Tịnh Biên	25.0%	75.0%	0.0%
Huyện Tri Tôn	4.8%	95.2%	0.0%
Huyện An Phú	19.7%	76.9%	3.4%
Huyện Châu Thành	10.6%	89.4%	0.0%
Huyện Châu Phú	28.4%	71.6%	0.0%
Huyện Chợ Mới	31.7%	67.6%	0.7%
Huyện Phú Tân	30.5%	66.9%	2.6%
Huyện Thoại Sơn	25.9%	74.1%	0.0%

- Chất lượng nhà ở được xây mới/cải tạo, sửa chữa theo chủ trương xóa nhà tạm, nhà dột nát

Có 91,4% người dân đánh giá chất lượng nhà ở từ "Tốt" đến "Rất tốt", cho thấy hiệu quả xây dựng, sửa chữa là tương đối cao, người dân cảm thấy hài lòng với công trình được hỗ trợ. Tuy nhiên, vẫn có 5,1% đánh giá "Trung bình" và 3,5% không rõ, đặt ra yêu cầu cần chuẩn hóa kỹ thuật, tăng cường giám sát xây dựng để đảm bảo tính đồng đều, an toàn và phù hợp với nhu cầu thực tế.

- Sự đồng thuận với chính sách xóa nhà tạm, nhà dột nát

Có 98,9% người dân đồng thuận với chính sách, trong đó 67,5% hoàn toàn đồng ý, mức độ cao và rõ rệt. Chỉ có 0,1% không đồng ý, cho thấy chủ trương nhận được sự đồng thuận rất cao trong toàn dân, tạo thuận lợi lớn cho công tác vận động, triển khai và giám sát.

- Chủ trương xóa nhà tạm, nhà dột nát góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống của nhân dân

Có 94,1% người dân đánh giá chính sách đã cải thiện rõ rệt chất lượng cuộc sống, trong đó hơn 4/5 (82,7%) cho rằng cải thiện "rất nhiều". Điều này cho thấy hiệu quả thực chất của chính sách không chỉ là "có nhà ở" mà còn là "nâng cao mức sống tổng thể", bao gồm sự ổn định tâm lý, sinh hoạt, học hành và làm ăn của người dân.

- Kiểm tra, giám sát thực hiện chính sách hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát tại địa phương

Có 85,3% đánh giá có sự giám sát ở mức "luôn luôn" hoặc "thường xuyên", điều này cho thấy chính quyền đã chủ động kiểm tra, quản lý và theo dõi tiến độ, chất lượng thực hiện. Tuy nhiên, khoảng 14,7% cho rằng việc kiểm tra chỉ thỉnh thoảng, hiếm khi hoặc không rõ, điều này cần được cải thiện để đảm bảo tính công khai, kịp thời, tránh tiêu cực và bảo vệ quyền lợi người dân.

Về mặt tổng thể, có thể khẳng định rằng chủ trương xóa nhà tạm, nhà dột nát tại tỉnh An Giang đã nhận được sự ủng hộ rộng rãi, tác động tích cực và tạo dấu ấn rõ rệt trong đời sống người dân, đồng thời tạo tiền đề thuận lợi để tiếp tục mở rộng, hoàn thiện và lồng ghép hiệu quả hơn với các chính sách an sinh xã hội khác trong thời gian tới.

- Đề xuất, góp ý của người dân trong quá trình thực hiện chính sách

Khảo sát cho thấy người dân đặc biệt quan tâm đến tính minh bạch, công bằng và hiệu quả bền vững của chính sách xóa nhà tạm, nhà dột nát. Cụ thể, có đến 71,9%

người dân đồng ý rằng cần công khai, minh bạch danh sách hộ được hỗ trợ để phòng ngừa tiêu cực và tạo sự đồng thuận trong cộng đồng. Bên cạnh đó, 46,3% người dân cho rằng việc giám sát chặt chẽ quá trình xây dựng nhà ở là cần thiết nhằm đảm bảo chất lượng công trình phù hợp với điều kiện thực tế. Tuy nhiên, chỉ 27,3% người dân nhận biết hoặc cho biết có kênh phản ánh sai sót, tiêu cực, phản ánh hạn chế trong cơ chế tiếp nhận phản hồi từ cơ sở. Đồng thời, chỉ 16,3% người dân đề xuất cần tăng cường kiểm tra, đánh giá chất lượng công trình sau bàn giao. Đây là tỷ lệ tương đối thấp, có thể xuất phát từ hai nguyên nhân chính: Người dân chưa từng tham gia hoặc tiếp cận được các đợt hậu kiểm sau khi bàn giao nhà, dẫn đến thiếu nhận thức rõ ràng về vai trò của hoạt động này. Hoặc đa số người dân tin tưởng rằng công trình đã hoàn thành thì không cần giám sát thêm, thể hiện sự thụ động và lệ thuộc vào chính quyền trong vấn đề hậu kiểm. Tuy nhiên, trên thực tế, đây là một khâu rất quan trọng để đảm bảo chất lượng công trình sử dụng lâu dài, phát hiện lỗi kỹ thuật, vật tư không đạt chuẩn, hoặc sai phạm trong thi công.

Việc người dân ít quan tâm cho thấy cần nâng cao nhận thức và phổ biến rõ vai trò của công tác giám sát sau bàn giao. Đáng lưu ý, chỉ 19,4% ý kiến nhấn mạnh đến nhu cầu hỗ trợ sinh kế như hướng dẫn nghề, hỗ trợ vốn, cho thấy phần lớn chính sách hiện nay vẫn dừng lại ở hỗ trợ nhà ở đơn lẻ, thiếu sự tích hợp với các giải pháp phát triển lâu dài. Đây cũng là một điểm đáng lưu ý việc người dân có nhà nhưng thiếu sinh kế sẽ dẫn đến nguy cơ tái nghèo hoặc lệ thuộc vào chính sách tiếp theo. Do đó, nếu không có chính sách đi kèm về hướng nghiệp, hỗ trợ vốn sản xuất, đào tạo nghề... thì chính sách xóa nhà tạm chỉ mới giải quyết một phần bề nổi của vấn đề an sinh. Những dữ liệu này phản ánh rõ yêu cầu cấp thiết phải hoàn thiện chính sách theo hướng toàn diện hơn – không chỉ dừng ở việc “trao nhà” mà cần “trao cơ hội”, thông qua cơ chế công khai, giám sát đa chiều, phản hồi hiệu quả và chính sách hậu an cư, giúp người dân thực sự ổn định cuộc sống (Xem bảng 2).

Bảng 2: Ý kiến đề xuất của người dân về việc nâng cao hiệu quả chính sách xóa nhà tạm, nhà dột nát tại An Giang

Nội dung đề xuất	Tần suất (N)	Tỷ lệ trên toàn mẫu (%)
Công khai, minh bạch danh sách hộ được hỗ trợ để tránh tiêu cực, đảm bảo công bằng	1,163	71.9%
Giám sát chặt chẽ việc xây dựng nhà ở, đảm bảo chất lượng, an toàn, phù hợp với điều kiện địa phương	748	46.3%
Tạo kênh phản ánh và giám sát để người dân có thể báo cáo nếu có sai sót, tiêu cực trong quá trình thực hiện	442	27.3%
Chính quyền cần tăng cường kiểm tra, đánh giá chất lượng công trình sau khi bàn giao	263	16.3%
Hỗ trợ thêm sinh kế (hướng dẫn nghề, hỗ trợ vốn) để người dân ổn định cuộc sống sau khi có nhà mới	313	19.4%

Mức độ hài lòng của nội bộ và nhân dân về kết quả về xóa nhà tạm, nhà dột nát của tỉnh

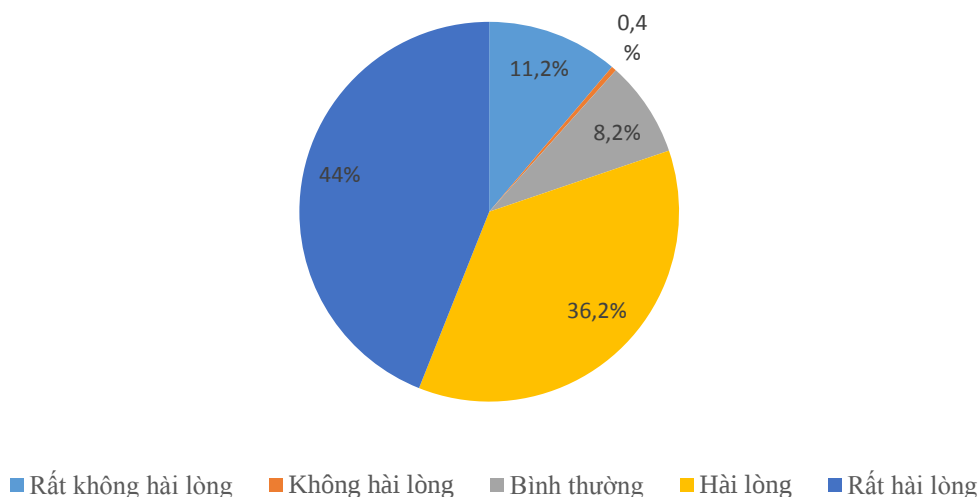
Kết quả khảo sát về mức độ hài lòng của người dân đối với kết quả thực hiện chính sách xóa nhà tạm, nhà dột nát tại tỉnh An Giang cho thấy một bức tranh nhìn chung là tích cực, song cũng có 1 số điểm cần được lưu ý. Trong tổng số 1.617 người được hỏi, có 44% bày tỏ "rất hài lòng" và 36,2% "hài lòng", tổng tỷ lệ hài lòng lên đến 80,2%, một con số thể hiện rõ sự ghi nhận của người dân đối với hiệu quả của chính sách. Nhóm người hài lòng phần lớn được thụ hưởng từ những thay đổi rõ rệt về điều kiện sống, từ chỗ ở xuống cấp, tạm bợ sang nhà ở kiên cố, an toàn, góp phần ổn định cuộc sống và giảm áp lực an sinh.

Tuy nhiên, điều đáng chú ý là có đến 11,2% người dân "rất không hài lòng", và nếu cộng thêm cả nhóm "không hài lòng" và "bình thường", thì gần 20% người dân chưa thực sự hài lòng với kết quả chính sách. Đây không phải là con số nhỏ, và có ý nghĩa đặc biệt khi đặt trong tương quan với tỷ lệ người dân đồng thuận với chính sách (gần 99%) và đánh giá cao tác động đến cuộc sống (trên 94%). Điều đó cho thấy mặc dù người dân ủng hộ chủ trương, họ vẫn gặp những vướng mắc, thiếu thỏa mãn trong khâu thực hiện. Nguyên nhân có thể đến từ nhiều yếu tố: công trình xây dựng không đảm bảo chất lượng hoặc không phù hợp với điều kiện sử dụng thực tế; tiến độ bàn giao chậm trễ; danh sách hỗ trợ chưa thực sự công bằng; hay chính sách thiếu đi sự đồng bộ sau bàn giao như hướng dẫn sinh kế, kết nối dịch vụ xã hội. Một tỷ lệ "rất không hài lòng" trên 10% cũng đặt ra yêu cầu cần sớm có cơ chế rà soát và phản hồi đối với những trường hợp phản ánh chưa được giải quyết, bởi đây chính là nhóm dễ bị tổn thương và dễ tạo ra dư luận không tích cực nếu không được quan tâm đúng mức.

Bên cạnh đó, cũng cần nhấn mạnh rằng mức độ hài lòng là chỉ báo cảm tính nhưng rất quan trọng, bởi nó phản ánh không chỉ kết quả vật chất mà còn thể hiện cảm nhận, sự tin tưởng và mức độ gắn bó của người dân với chính sách công. Do đó, việc nâng cao sự hài lòng cần được tiếp cận không chỉ bằng việc "làm đúng" mà còn phải "làm đủ" và "làm gần dân", từ quy trình xét duyệt, thiết kế hỗ trợ, đến giám sát thi công, bàn giao và hỗ trợ sau an cư.

Tóm lại, mặc dù phần lớn người dân tỏ ra hài lòng với chính sách xóa nhà tạm, nhà dột nát tại An Giang, nhưng tỷ lệ không hài lòng và trung lập vẫn còn đáng kể, đòi hỏi các cấp chính quyền cần tiếp tục cải tiến khâu thực hiện, tăng cường giám sát, lắng nghe phản ánh từ cơ sở và điều chỉnh chính sách theo hướng bao trùm và bền vững hơn. (Xem biểu đồ 3).

Biểu 3: Mức độ hài lòng của nhân dân về kết quả xóa nhà tạm, nhà dột nát

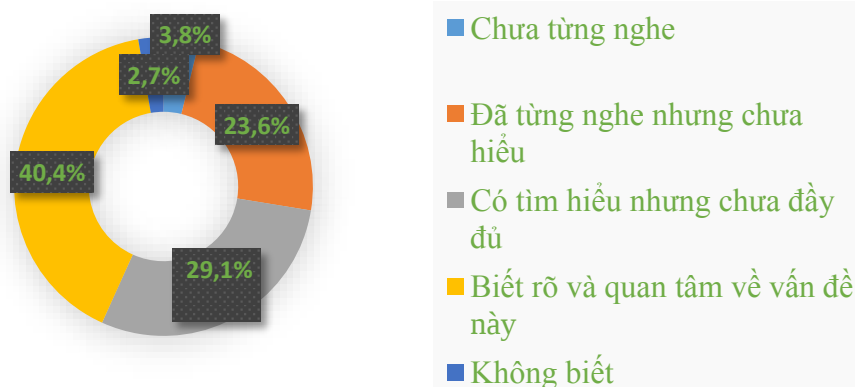


II. ĐÁNH GIÁ VỀ CHỦ TRƯỞNG TỈNH GỌN BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CỦA TỈNH HIỆN NAY

1. Nhận thức của người dân về chủ trương tinh gọn bộ máy hành chính

Kết quả cho thấy, chủ trương tinh gọn bộ máy nhà nước đã đạt được một mức độ lan tỏa thông tin tương đối tốt trong cộng đồng, khi có đến 40,6% người dân cho biết “biết rõ và quan tâm” đến chính sách này, và thêm 29,2% “có tìm hiểu nhưng chưa đầy đủ”. Như vậy, gần 70% người dân đã có nhận thức tích cực và ở các mức độ khác nhau về chủ trương tinh gọn bộ máy, một kết quả đáng ghi nhận cho công tác tuyên truyền của tỉnh trong một nội dung tương đối chuyên sâu, khó tiếp cận với người dân thông thường. Tuy nhiên, vẫn còn khoảng 1/4 người dân (26,4%) chưa thực sự hiểu rõ hoặc hoàn toàn không biết gì về chính sách này. Cụ thể, 23,7% chỉ “đã từng nghe nhưng chưa hiểu”, và 6,6% chưa từng nghe hoặc không biết. Điều này phản ánh thực trạng rằng, mặc dù chính sách đã được triển khai và phổ biến tại các cơ quan hành chính, đoàn thể, báo chí, nhưng việc tiếp cận và truyền đạt thông tin đến cộng đồng dân cư, đặc biệt là người dân không công tác trong bộ máy hành chính vẫn còn hạn chế, do đây là một chủ trương mang tính cấu trúc và nội bộ, ít liên quan trực tiếp đến quyền lợi vật chất trước mắt của người dân (xem chi tiết tại phụ lục)

Biểu đồ 4 . Mức độ nhận biết và quan tâm của người dân về chủ trương tinh gọn bộ máy nhà nước tại tỉnh An Giang



2. Đánh giá về tiến trình tinh gọn bộ máy

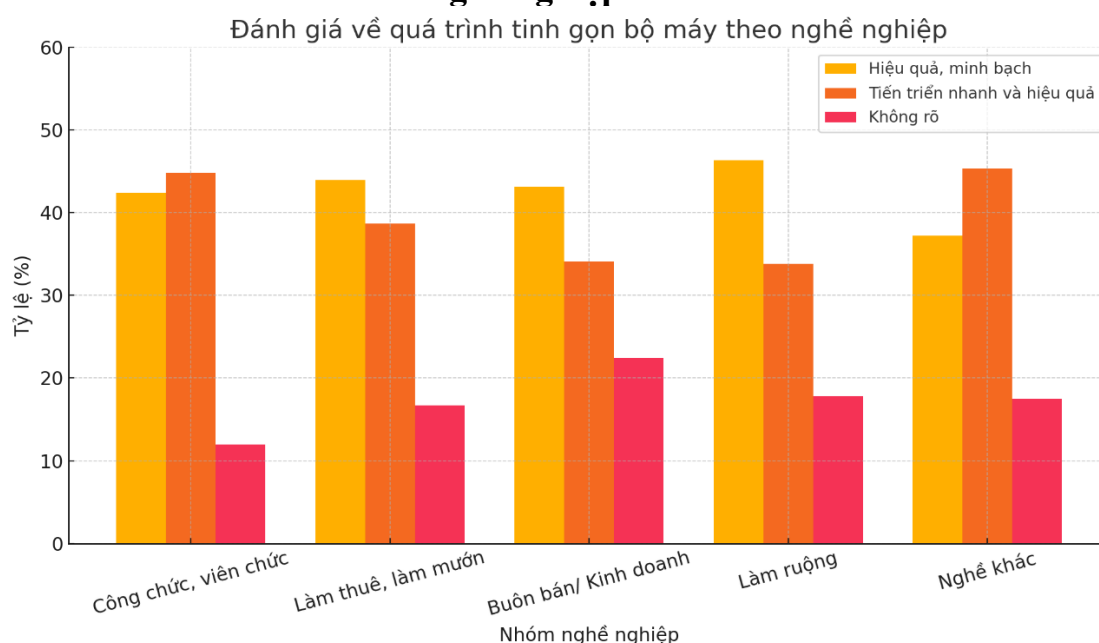
Kết quả khảo sát tiếp tục cho thấy một tín hiệu tích cực từ góc nhìn của người dân đối với tiến trình sắp xếp, tinh gọn bộ máy nhà nước tại tỉnh An Giang. Cụ thể, hơn 83% người dân cho rằng quá trình này đang diễn ra một cách hiệu quả, trong đó 43% đánh giá là “hiệu quả, minh bạch”, và 40,1% cho rằng “có tiến triển nhanh và hiệu quả”. Đây là một minh chứng rõ ràng cho sự lan tỏa niềm tin trong cộng đồng về công tác cải cách hành chính, tổ chức bộ máy, vốn là lĩnh vực ít “dễ thấy, dễ cảm” đối với người dân như các chính sách an sinh khác.

Việc gần một nửa số người dân nhấn mạnh yếu tố “minh bạch” trong nhận định cũng là một chỉ báo quan trọng. Nó không chỉ phản ánh sự hài lòng với kết quả mà còn thể hiện rằng quá trình tinh gọn đã được thực hiện công khai, rõ ràng, có thể người dân đã chứng kiến trực tiếp các thay đổi tại bộ phận tiếp dân, UBND cấp xã, hoặc thông qua cải tiến thủ tục hành chính. Đây là kết quả đáng ghi nhận, đặc biệt khi đặt trong bối cảnh chính sách này chủ yếu tác động đến nội bộ bộ máy hành chính. Tuy nhiên, vẫn còn 15,9% người dân cho rằng “không rõ” quá trình này đang diễn ra như thế nào. Nhóm này có thể chưa cảm nhận được sự thay đổi ở cấp độ dịch vụ công hoặc chưa được truyền thông đầy đủ.

Đánh giá về tiến trình tinh gọn bộ máy theo từng nhóm nghề nghiệp nội bộ và nhân dân, kết quả khảo sát theo nhóm nghề nghiệp cho thấy có sự đồng thuận tương đối cao về tính hiệu quả của quá trình tinh gọn bộ máy nhà nước ở tất cả các nhóm nghề, nhưng mức độ hiểu biết và đánh giá cụ thể lại có sự khác biệt đáng chú ý, đối với nhóm nội bộ (Công chức, viên chức) có tỷ lệ đánh giá “có tiến triển nhanh và hiệu quả” cao nhất (44,8%), đồng thời tỷ lệ “không rõ” thấp nhất (12%). Điều này phản ánh sự nhận thức đầy đủ và tiếp cận trực tiếp với quá trình sắp xếp bộ máy không bất ngờ vì đây là nhóm trong hệ thống công vụ, có thông tin chính xác và cập nhật nhất. Tỷ lệ “hiệu quả, minh bạch” (42,4%) cũng ở mức tương đương trung bình toàn mẫu (43%). Nội bộ hành chính đánh giá cao và tương đối thống nhất, cho thấy quá trình cải tổ đang được triển khai rõ nét trong cơ quan nhà nước.

Sự đánh giá tích cực về tinh gọn bộ máy là nhất quán giữa nội bộ và nhân dân, với hơn 80% ở mọi nhóm nghề nghiệp cho rằng chính sách đang tiến triển hiệu quả hoặc minh bạch. Tuy nhiên, mức độ “không rõ” vẫn dao động từ 12% đến hơn 22%, chủ yếu ở các nhóm dân cư ngoài hệ thống công vụ cho thấy vẫn còn khoảng cách trong tiếp cận và hiểu biết về cải cách bộ máy. Nhóm công chức, viên chức giữ vai trò chính và cần chủ động hơn trong truyền thông nội bộ và cộng đồng về hiệu quả của cải cách tổ chức hành chính (Xem Biểu đồ 5).

Biểu đồ 5. Đánh giá về quá trình tinh gọn bộ máy nhà nước theo nhóm nghề nghiệp



Kết quả khảo sát tìm hiểu đánh giá tích cực về tiến trình tinh gọn bộ máy, khi phần lớn người dân và cán bộ nhận thấy chủ trương này đang triển khai hiệu quả với việc tập trung làm rõ các khó khăn thực tiễn phát sinh trong quá trình thực hiện, phân tích theo nhóm nghề nghiệp để thấy rõ sự khác biệt trong góc nhìn của nội bộ (công chức, viên chức) và nhân dân.

Dữ liệu cho thấy vấn đề được phản ánh nhiều nhất là “lo ngại về việc bố trí công việc sau tinh gọn”, chiếm tới 60,4% tổng số người trả lời, với tỷ lệ cao nhất ở nhóm công chức, viên chức (64,4%), tiếp theo là người làm ruộng (60,5%) và buôn bán/kinh doanh dịch vụ (59,9%). Điều này cho thấy, không chỉ đội ngũ trong bộ máy hành chính mà cả người dân cũng lo ngại về hệ quả của việc tinh gọn bộ máy, đặc biệt là các tác động gián tiếp đến khả năng tiếp cận dịch vụ công, bố trí cán bộ, hoặc ảnh hưởng tới hoạt động quản lý cơ sở.

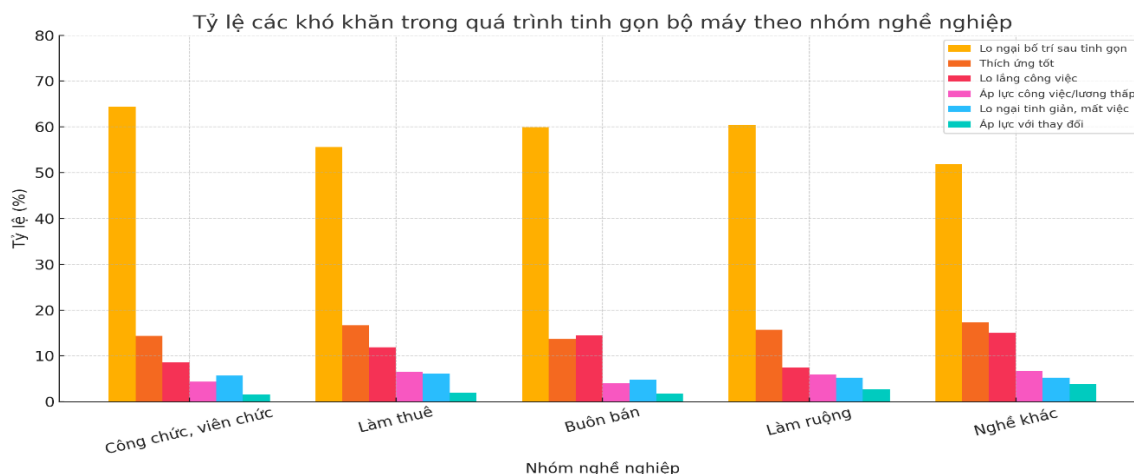
Đáng chú ý, chỉ 15,2% người khảo sát đánh giá là “ổn định, thích ứng tốt” với quá trình này, một con số khiêm tốn, cho thấy việc thích nghi với thay đổi tổ chức bộ máy vẫn còn là thách thức, đặc biệt ở địa phương, nơi các vị trí công việc vốn đã phân tán và có tính đặc thù cao.

Bên cạnh đó, có đến 10,4% người dân phản ánh lo lắng chung về công việc, cùng với 5,6% lo ngại về tinh giản biên chế, mất việc, thiếu hỗ trợ thích hợp. Những phản hồi này xuất hiện không chỉ ở công chức mà còn ở các nhóm dân cư khác, cho thấy mối quan ngại về an sinh và ổn định việc làm đã lan rộng ra ngoài hệ thống hành chính, đặc biệt trong bối cảnh các dịch vụ công được sắp xếp lại, có thể ảnh hưởng đến lực lượng hợp đồng, cộng tác viên hoặc các dịch vụ phụ trợ đi kèm.

Ngoài ra, khoảng 5,2% người khảo sát cho rằng “áp lực công việc lớn, mức lương không đủ đáp ứng nhu cầu sống”, phản ánh một thực trạng phổ biến trong khu vực công hiện nay: bộ máy gọn đi nhưng khối lượng công việc không giảm tương ứng, thậm chí tăng lên, trong khi chế độ lương, phụ cấp chưa cải thiện đáng kể.

Tỷ lệ người “cảm thấy áp lực với sự thay đổi” (2,1%) và chọn “khó khăn khác” (1,1%) tuy thấp nhưng không thể bỏ qua. Những người này có thể đang chịu ảnh hưởng tâm lý, lo ngại rủi ro mất việc, hoặc bối rối trước thay đổi trong quy trình, quy định, trách nhiệm công việc. (Xem biểu đồ 6).

Biểu đồ 6. Những khó khăn trong quá trình tinh gọn bộ máy nhà nước hiện nay theo góc nhìn từ nội bộ và nhân dân



Nhìn chung, kết quả cho thấy nội bộ và nhân dân lo ngại về vị trí việc làm, thiếu minh bạch trong bố trí sau tinh gọn là khó khăn lớn nhất hiện nay, đặc biệt trong nội bộ cán bộ công chức. Quá trình thích nghi với thay đổi còn hạn chế, và việc chưa có đủ cơ chế hỗ trợ, giải thích, đào tạo lại là nguyên nhân khiến nhiều người cảm thấy áp lực hoặc bị động. Ngoài tác động tới bộ máy, người dân cũng cảm thấy lo lắng về hệ quả của tinh gọn lên tiếp cận dịch vụ, ổn định xã hội, và khả năng phục vụ hành chính tại cơ sở. Điều này đặt ra yêu cầu cần phải thực hiện song song giữa tinh gọn và bảo đảm an sinh, đào tạo lại đội ngũ, bố trí lại công việc có chiến lược và đồng bộ.

3. Kiến nghị của nội bộ và nhân dân về việc chính quyền cần làm gì để hỗ trợ thích ứng sau tinh giản bộ máy

Khi được hỏi về giải pháp giúp cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thích ứng tốt hơn sau quá trình tinh gọn bộ máy, đa số người dân đã đưa ra những đề xuất rất thực tế, phản ánh nhu cầu sâu sắc cả về vật chất lẫn tâm lý trong giai đoạn chuyển đổi tổ chức.

Dữ liệu khảo sát cho thấy, giải pháp được nhấn mạnh nhiều nhất là "bố trí công việc phù hợp với năng lực", với 779 lượt chọn, chiếm 39,2% tổng số lượt phản hồi. Điều này phản ánh rõ một thực tế rằng sự lo lắng lớn nhất sau tinh gọn không chỉ nằm ở nguy cơ mất việc mà còn là nỗi băn khoăn về việc bị phân công không đúng chuyên môn, khả năng, dẫn đến áp lực tinh thần và giảm hiệu quả công tác. Đây là yêu cầu rất thiết thực, đồng thời cũng là thước đo cho năng lực quản lý nhân sự sau tái cơ cấu của các cấp chính quyền.

Xếp thứ hai là đề xuất "hỗ trợ đào tạo và chuyển đổi nghề nghiệp" với 614 lượt chọn (30,9%). Điều này đặc biệt quan trọng với những đối tượng bị ảnh hưởng trực tiếp bởi tinh giản hoặc sáp nhập đơn vị, khi họ phải chuyển đổi vị trí hoặc môi trường làm việc mới. Nhu cầu đào tạo lại không chỉ nhằm thích ứng về chuyên môn, kỹ năng mà còn giúp người lao động tự tin và chủ động hơn trong quá trình thay đổi.

Ở vị trí thứ ba là mong muốn "cải thiện chế độ đãi ngộ", được 438 người lựa chọn (22,1%). Dù không chiếm tỷ lệ cao nhất, nhưng phản hồi này phản ánh đúng tâm tư lâu nay của cán bộ, công chức về áp lực công việc tăng nhưng chế độ lương thưởng, hỗ trợ chưa thực sự tương xứng, đặc biệt sau khi bộ máy được tinh gọn, số lượng người làm việc giảm nhưng khối lượng công việc lại không giảm theo.

Đáng chú ý, chỉ 9,6% (152 lượt chọn) đề xuất tăng cường truyền thông và tạo sự đồng thuận, cho thấy vai trò của truyền thông trong chính sách tinh gọn vẫn chưa được nhìn nhận đúng mức. Tuy nhiên, đây lại chính là mắt xích quan trọng để giảm tâm lý lo lắng, hiểu lầm, và nâng cao tính chủ động trong đội ngũ cán bộ, người lao động. Điều này cho thấy cần có thêm nỗ lực của chính quyền trong minh bạch thông tin, giải thích chính sách và đối thoại cởi mở với đội ngũ bị ảnh hưởng.

Xem xét và so sánh vấn đề này ở 2 nhóm đảng viên và không là đảng viên cho thấy nhìn chung, cả đảng viên và người không là đảng viên đều chia sẻ những mối quan tâm tương tự về các giải pháp hỗ trợ sau tinh giản. Tuy nhiên, khi phân tích chi tiết, đã xuất hiện một số khác biệt đáng chú ý phản ánh vai trò, vị trí công tác và mức độ gắn bó với bộ máy nhà nước của từng nhóm. Đó là:

Bố trí công việc phù hợp với năng lực là nội dung được đảng viên lựa chọn nhiều hơn (52,4%) so với người không là đảng viên (46,7%). Đây là điểm phù hợp với thực tiễn vì đa phần đảng viên thường đang đảm nhiệm các vị trí chính thức, ổn định trong bộ máy hành chính, nên họ đặc biệt quan tâm đến việc được sắp xếp lại phù hợp với chuyên môn, kinh nghiệm khi bộ máy thay đổi. Điều này cũng phản ánh mong muốn giữ vai trò, vị trí chính trị phù hợp với năng lực đã được rèn luyện lâu dài.

Ngược lại, người không là đảng viên lại có xu hướng chọn "hỗ trợ đào tạo và chuyển đổi nghề nghiệp" cao hơn đáng kể (43,9%) so với đảng viên (31,2%). Sự khác biệt này cho thấy quần chúng lao động không nằm trong biên chế ổn định, hoặc thuộc diện hợp đồng, cộng tác viên, người dân bị ảnh hưởng gián tiếp bởi tinh giản, có xu hướng cần trang bị kỹ năng mới để thích nghi với sự thay đổi. Đây cũng là nhóm có nguy cơ mất việc cao hơn, nên nhu cầu chuyển đổi nghề nghiệp là bức thiết.

Các nội dung "cải thiện chế độ đãi ngộ" và "tăng cường truyền thông, tạo sự đồng thuận" có mức độ lựa chọn tương đồng giữa hai nhóm (~27–28% và ~9–10%), phản ánh đây là những vấn đề mang tính phổ quát, ai cũng quan tâm, không phân biệt vai trò chính trị. Đặc biệt, nhu cầu truyền thông rõ ràng về chính sách là nhất quán giữa hai nhóm, cho thấy việc minh bạch, giải thích rõ ràng trong các quyết sách tái cơ cấu là mong muốn chung trong toàn xã hội.

Tóm lại, kết quả khảo sát cho thấy việc bố trí lại công việc và hỗ trợ đào tạo chuyển đổi là hai trụ cột cần được ưu tiên hàng đầu, nhằm giảm bớt lo lắng, tăng khả năng thích ứng cho cán bộ và người lao động. Đảng viên ưu tiên việc sắp xếp công việc đúng năng lực, cho thấy nhu cầu được duy trì vai trò ổn định, tương xứng với năng lực, thâm niên, vị trí công tác. Người không là đảng viên ưu tiên hỗ trợ chuyển đổi nghề, phản ánh sự thiếu an toàn nghề nghiệp cao hơn trong quá trình tinh gọn và tái cấu trúc. Các nhóm đều thống nhất rằng cần cải thiện chế độ đãi ngộ và truyền thông chính sách minh bạch, như những nền tảng để giảm lo ngại và gia tăng sự đồng thuận sau sắp xếp.

5.2. Giải pháp để quá trình tinh gọn bộ máy nhà nước diễn ra thuận lợi, hiệu quả – Góc nhìn từ nội bộ và nhân dân

Kết quả khảo sát cho thấy người dân và cán bộ, công chức, viên chức đã đưa ra nhiều đề xuất xác đáng nhằm góp phần làm cho quá trình tinh gọn bộ máy nhà nước không chỉ "gọn" về mặt cơ cấu mà còn "mạnh" về mặt hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

Trong số 4.342 lượt chọn (từ 1.617 người khảo sát), giải pháp được lựa chọn nhiều nhất là "Bảo đảm quyền lợi chính đáng cho đội ngũ CB, CC, VC, LD bị ảnh hưởng bởi tinh gọn bộ máy", chiếm 22,8% tổng số lượt chọn, tương ứng với 61,5% số người khảo sát. Kết quả này khẳng định rằng tâm lý ổn định, an toàn về nghề nghiệp và thu nhập của đội ngũ công chức, viên chức là yếu tố then chốt để chính sách tinh gọn thành công. Nếu không bảo đảm được quyền lợi hợp lý thì tinh gọn sẽ dễ dẫn đến phản ứng tiêu cực, giảm sút tinh thần làm việc, và khó tạo được sự đồng thuận trong nội bộ.

Đứng thứ hai là nhóm giải pháp mang tính nền tảng: "Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng công chức" (17,5%) và "Xây dựng cơ chế tiếp nhận, giải quyết phản hồi của người dân" (17,1%). Hai nội dung này cho thấy người dân rất coi trọng cả năng lực thực thi của đội ngũ sau tinh gọn lẫn khả năng phản hồi, lắng nghe ý kiến từ xã hội. Nếu tinh gọn mà chất lượng nhân lực không được nâng cao, hoặc người dân không có kênh phản ánh hiệu quả, chính sách có thể bị sai lệch khi đi vào thực tiễn.

Đặc biệt, các nội dung liên quan đến đổi mới hệ thống quản trị hành chính và truyền thông chính sách cũng được lựa chọn với tỷ lệ khá cao: nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, môi trường minh bạch (15,0%); truyền thông để người dân hiểu rõ về mục tiêu tinh gọn (14,6%); ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý hành chính (12,9%). Điều này cho thấy người dân kỳ vọng quá trình tinh gọn không chỉ là thay đổi về tổ chức, biên chế mà phải đi kèm với chuyển đổi về tư duy, công nghệ, và cách tiếp cận dịch vụ công, từ đó xây dựng được bộ máy vừa gọn, vừa linh hoạt và hiện đại. (Xem bảng 3).

Bảng 3. Tỷ lệ đề xuất các giải pháp hỗ trợ quá trình tinh gọn bộ máy nhà nước

STT	Giải pháp đề xuất	Số lượt chọn (N)	Tỷ lệ trên tổng lượt chọn (%)	Tỷ lệ trên số người khảo sát (%)
1	Bảo đảm quyền lợi chính đáng cho CB, CC, VC, LD bị ảnh hưởng bởi tinh gọn bộ máy	992	22,8%	61,5%
2	Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức	759	17,5%	47,1%
3	Xây dựng cơ chế tiếp nhận và giải quyết phản hồi, ý kiến đóng góp của người dân	741	17,1%	46,0%
4	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo môi	652	15,0%	40,4%

	trường công tác minh bạch, chuyên nghiệp			
5	Truyền thông tốt hơn để người dân hiểu rõ mục tiêu, nội dung tinh gọn bộ máy	632	14,6%	39,2%
6	Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý hành chính	559	12,9%	34,7%
7	Ý kiến khác	7	0,2%	0,4%

Từ kết quả khảo sát có thể thấy, để quá trình tinh gọn bộ máy diễn ra hiệu quả và bền vững, nội bộ và nhân dân đề xuất cần tập trung vào 3 trụ cột chính:

- Đảm bảo quyền lợi chính đáng và ổn định tâm lý cho cán bộ bị ảnh hưởng – đây là yếu tố quan trọng để giữ vững nội bộ, tạo sự đồng thuận trong đội ngũ công vụ.

- Tăng cường năng lực thực thi và xây dựng cơ chế phản hồi minh bạch – nhằm nâng cao hiệu quả quản lý sau sắp xếp và tạo lòng tin cho người dân.

- Kết hợp chuyển đổi số, cải cách thủ tục hành chính với truyền thông hiệu quả, giúp người dân hiểu rằng tinh gọn không chỉ là cắt giảm, mà là nâng cao chất lượng phục vụ.

Việc triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp này không chỉ tạo thuận lợi cho quá trình cải cách, mà còn góp phần xây dựng hình ảnh một nền hành chính chuyên nghiệp, minh bạch, phục vụ hiệu quả người dân và xã hội.

C. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

Qua phân tích kết quả khảo sát dư luận trong các tầng lớp nhân dân liên quan đến lĩnh vực xã hội năm 2025 có thể đánh giá về những vấn đề bức xúc của người dân và việc giải quyết, khắc phục các vấn đề bức xúc trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua như sau:

1. Về Chủ trương xóa nhà tạm, nhà dột nát

1.1. Mức độ nhận biết và tiếp cận thông tin tốt

Khảo sát cho thấy người dân đã được tiếp cận chủ trương qua nhiều kênh như họp dân, truyền thông, mạng xã hội, đặc biệt là qua các văn bản chính sách trọng điểm (Quyết định số 539/QĐ-TTg về kế hoạch triển khai phong trào thi đua “Chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước năm 2025”. Chỉ thị số 42/CT-TTg về việc đẩy nhanh triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn cả nước... Kế hoạch Số1290/KH-UBND...). Tỷ lệ người dân biết đến chính sách đạt cao, chứng tỏ công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương được thực hiện đồng bộ và hiệu quả.

1.2. Chính sách nhận được sự đồng thuận và ghi nhận cao từ cộng đồng

Có tới 98,9% người dân đồng thuận với chính sách, trong đó 67,5% hoàn toàn đồng ý. Đặc biệt, hơn 94% đánh giá chính sách đã cải thiện rõ rệt chất lượng cuộc sống, minh chứng cho hiệu quả thực tiễn và sự phù hợp với nguyện vọng của người dân nghèo, cận nghèo.

1.3. Đánh giá tích cực về tính công bằng, chất lượng công trình

Phần lớn người dân đánh giá quá trình xét duyệt hồ trợ là công bằng (95,8%), và trên 91% hài lòng với chất lượng nhà xây mới hoặc cải tạo. Điều này phản ánh sự vào cuộc nghiêm túc của chính quyền địa phương trong tổ chức thực hiện, đảm bảo đúng đối tượng, đúng quy trình.

1.4. Một số tồn tại cần cải thiện

Tuy đạt được nhiều kết quả tích cực, khảo sát cũng ghi nhận gần 20% người dân chưa thật sự hài lòng với kết quả, trong đó 11,2% “rất không hài lòng”. Một số nguyên nhân có thể gồm: chưa rõ mức hồ trợ (50 triệu và 60 triệu), chậm bàn giao, chất lượng nhà không đồng đều, hoặc công khai thông tin chưa đầy đủ tại địa phương.

1.5. Cần tăng cường hậu kiểm và hỗ trợ bền vững

Tỷ lệ người dân đề xuất tăng cường giám sát sau bàn giao chỉ đạt 16,3% và hồ trợ sinh kế sau khi có nhà chỉ đạt 19,4%, cho thấy chính sách hiện mới dừng ở hỗ trợ vật chất trước mắt. Cần chuyển dần từ chính sách "trao nhà" sang "trao cơ hội" bằng cách kết hợp hỗ trợ nghề, vốn sản xuất, nâng cao chất lượng sống bền vững.

2. Về quá trình tinh gọn bộ máy nhà nước tại tỉnh An Giang

2.1. Mức độ nhận thức tương đối cao

Khoảng 70% người dân cho biết đã từng tìm hiểu hoặc biết rõ về chính sách tinh gọn bộ máy, phản ánh quá trình truyền thông chủ trương đã bắt đầu lan tỏa đến cộng đồng. Tuy nhiên, vẫn có gần 1/3 người dân chưa nắm rõ, cần tiếp tục tăng cường truyền thông hiệu quả, dễ hiểu, phù hợp với người dân cơ sở.

2.2. Người dân ghi nhận tính hiệu quả và minh bạch của quá trình thực hiện

Có đến 83,1% người khảo sát đánh giá quá trình tinh gọn bộ máy là hiệu quả, minh bạch hoặc đang tiến triển tốt. Điều này thể hiện sự tin tưởng tương đối vào chính quyền trong cải tổ tổ chức hành chính và bộ máy công quyền.

2.3. Nội bộ và người dân vẫn lo lắng về hệ quả tinh giản

Gần 60% người khảo sát lo ngại về việc bố trí công việc sau tinh gọn, đặc biệt là nhóm công chức viên chức (64,4%). Các lo ngại về mất việc, áp lực công việc tăng, lương không đảm bảo cũng được ghi nhận, phản ánh một tâm lý bất an trong đội ngũ. Đây là những yếu tố có thể cản trở hiệu quả lâu dài nếu không có giải pháp hỗ trợ thỏa đáng.

2.4. Đảng viên và quần chúng có quan điểm khác biệt đáng chú ý

So sánh theo quan điểm của nhóm đảng viên cho thấy, nhóm đảng viên ưu tiên việc bố trí lại công việc phù hợp, trong khi nhóm không phải đảng viên quan tâm hơn đến việc đào tạo, chuyển đổi nghề - phản ánh sự khác biệt về vị trí và mức độ ổn định công tác trong hệ thống.

2.5. Các giải pháp được đồng thuận cao

Khi được hỏi về giải pháp hỗ trợ tinh gọn, người dân ưu tiên: Bảo đảm quyền lợi chính đáng cho cán bộ bị ảnh hưởng (61,5%). Tăng cường đào tạo, bố trí đúng năng lực, cải thiện đãi ngộ. Xây dựng cơ chế phản hồi người dân và đẩy mạnh truyền thông

Ngoài ra, người dân cũng nhấn mạnh vai trò của chuyển đổi số, môi trường công tác minh bạch, hiện đại, nhằm xây dựng bộ máy “gọn nhưng tinh”, vừa hiệu quả trong quản lý, vừa gần dân trong phục vụ.

2.6. Một số vấn đề hạn chế và đặc biệt quan tâm từ nội bộ và Nhân dân

a) Về nội bộ (cán bộ, công chức, viên chức): Tâm lý lo ngại về bố trí công việc, nguy cơ mất việc sau tinh giản vẫn chiếm tỷ lệ cao, cho thấy cần có chính sách ổn định và định hướng nghề nghiệp rõ ràng hơn sau sắp xếp. Áp lực công việc tăng lên nhưng chế độ đãi ngộ chưa tương xứng, trong khi việc đào tạo lại, chuẩn hóa kỹ năng số, kỹ năng thích ứng còn hạn chế. Thiếu cơ chế phản hồi và đối thoại sau tinh giản, khiến nhiều cán bộ rơi vào trạng thái bị động, ngại bày tỏ ý kiến, dễ dẫn đến tâm lý thụ động trong công vụ.

b) Về phía Nhân dân:

Mặc dù đồng thuận với các chủ trương, vẫn tồn tại tỷ lệ người chưa hài lòng với kết quả thực hiện chính sách, đặc biệt trong chương trình xóa nhà tạm, nguyên nhân có thể do chất lượng thi công, tiến độ hỗ trợ, hoặc công khai danh sách chưa rõ ràng. Nhận thức về tinh gọn bộ máy chưa đồng đều, đặc biệt trong nhóm người dân không làm trong khu vực công, điều này có thể gây hiểu nhầm hoặc phản ứng tiêu cực nếu không có truyền thông phù hợp. Kênh tiếp nhận phản ánh, góp ý của người dân còn hạn chế, thiếu cơ chế đối thoại thường xuyên giữa chính quyền và Nhân dân, nhất là trong lĩnh vực cải cách hành chính, dịch vụ công.

Kết quả khảo sát đã cung cấp cái nhìn toàn diện và chân thực về tác động xã hội, hiệu quả chính sách và phản hồi từ thực tiễn trong quá trình thực hiện hai chủ trương lớn tại tỉnh An Giang: xóa nhà tạm, nhà dột nát và tinh gọn bộ máy nhà nước. Từ đó cho thấy: sự đồng thuận xã hội cao là nền tảng quan trọng để chính sách thành công; tính minh bạch, công bằng trong thực hiện là điều kiện bảo đảm hiệu quả; việc lắng nghe phản hồi và hỗ trợ thích ứng là chìa khóa để chuyển đổi bền vững.

3. Đề xuất kiến nghị

Từ kết quả khảo sát, có thể thấy người dân không chỉ bày tỏ sự đồng thuận với các chủ trương lớn của tỉnh mà còn đưa ra nhiều đề xuất thiết thực nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách và cải cách hành chính. Nhóm giải pháp được quan tâm hàng đầu là đảm bảo công khai, minh bạch và công bằng trong triển khai chính sách. Người dân đặc biệt nhấn mạnh việc công khai danh sách hỗ trợ, giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện và cần có kênh phản ánh minh bạch để đảm bảo chính sách đi đúng đối tượng, đúng mục tiêu.

Bên cạnh đó, người dân cũng đặc biệt quan tâm đến bảo vệ quyền lợi và hỗ trợ những đối tượng bị ảnh hưởng bởi tinh giản bộ máy, nhất là công chức, viên chức và người lao động hợp đồng. Các đề xuất tập trung vào việc bố trí lại công việc phù hợp năng lực, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và cải thiện chế độ đãi ngộ. Đây là những giải pháp vừa nhân văn, vừa mang tính chiến lược để giữ ổn định tâm lý, đảm bảo chất lượng đội ngũ công vụ trong quá trình chuyển đổi.

Ở góc độ cải cách hành chính, người dân kỳ vọng vào một bộ máy không chỉ gọn mà còn hiệu quả. Do đó, các kiến nghị về nâng cao chất lượng nhân lực, môi trường làm việc chuyên nghiệp và tăng cường ứng dụng chuyển đổi số được đề xuất với tỷ lệ cao. Điều này phản ánh rõ xu hướng kỳ vọng của xã hội hiện nay: một nền hành chính hiện đại, phục vụ, gần dân và có năng lực giải quyết công việc nhanh, minh bạch.

Tuy nhiên, đáng lưu ý là các giải pháp về truyền thông, phản hồi và tạo sự đồng thuận tuy rất quan trọng nhưng lại ít được người dân đề cập đến, cho thấy vai trò này hiện vẫn chưa được phát huy đúng mức. Cần chuyển hướng truyền thông từ hình thức “thông báo chủ trương” sang hình thức “đối thoại, lắng nghe và cùng đồng hành”, tạo nên sự thấu hiểu và gắn kết thực sự giữa chính quyền và Nhân dân.

Về mặt tổng thể, các giải pháp người dân đề xuất không nằm ngoài yêu cầu chung là: chính sách phải minh bạch, triển khai phải công bằng và tổ chức phải linh hoạt, và người dân phải được lắng nghe. Đây là những nguyên tắc cốt lõi để các chủ trương lớn của tỉnh đạt hiệu quả thực chất và bền vững.

D. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Qua kết quả điều tra, để thực hiện tốt công tác nắm bắt định hướng dư luận xã hội và giải quyết các vấn đề bức xúc của nhân dân trên địa bàn tỉnh An Giang trong thời gian tới, Ủy ban MTTQ tỉnh xin kiến nghị với Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ban, ngành liên quan như sau:

- **Tăng cường công tác nắm bắt tình hình dư luận xã hội:** Tăng cường hoạt động nắm bắt dư luận xã hội có hệ thống, thường xuyên, nhất là tại cơ sở, thông qua phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Tập trung theo dõi các vấn đề người dân quan tâm, bức xúc, đặc biệt liên quan đến chính sách an sinh, cải cách hành chính, tổ chức bộ máy và phân bổ nguồn lực công. Xây dựng cơ chế tổng hợp, phản ánh và phân loại kịp thời thông tin từ cơ sở, đảm bảo phản hồi nhanh chóng và chính xác đến cơ quan có thẩm quyền xử lý.

- **Về tổ chức thực hiện các chính sách trọng điểm (như xóa nhà tạm, tinh gọn bộ máy):**

Bảo đảm công khai, minh bạch trong xét duyệt, bố trí nguồn lực và triển khai thực hiện, đặc biệt đối với các chương trình an sinh xã hội. Thiết lập các cơ chế giám sát cộng đồng, hậu kiểm sau thực hiện và tiếp nhận phản hồi người dân, đảm bảo các chính sách đến đúng đối tượng, đúng mục đích. Gắn kết giữa chính sách ngắn hạn (hỗ trợ vật chất) với dài hạn (sinh kế, đào tạo nghề, chuyển đổi vị trí công tác) để đảm bảo tính bền vững và ổn định xã hội.

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng cơ chế đánh giá khối lượng công việc thực tế sau tinh gọn, để có căn cứ điều chỉnh phân công nhiệm vụ hợp lý và đảm bảo công bằng trong phân phối công việc.

Xem xét điều chỉnh chế độ phụ cấp, khen thưởng phù hợp cho các vị trí phải kiêm nhiệm nhiều việc, nhất là tại cấp xã, phường – nơi ảnh hưởng trực tiếp từ tinh giản đầu mối.

Tăng cường tổ chức các lớp đào tạo bồi dưỡng kỹ năng mới, trong đó ưu tiên kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, giao tiếp hành chính, kỹ năng quản lý thay đổi để cán bộ thích nghi nhanh với môi trường làm việc mới.

Đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo lồng ghép kế hoạch bồi dưỡng kỹ năng số và cải cách hành chính vào kế hoạch đào tạo công chức hàng năm.

- **Đẩy mạnh công tác giám sát và phản biện xã hội:** Cần phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong việc giám sát và phản biện các hoạt động của chính quyền, từ đó nâng cao trách nhiệm và minh bạch trong quản lý xã hội. Việc này sẽ góp phần hạn chế các hiện tượng quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong bộ máy quản lý, đồng thời tạo niềm tin cho người dân vào hiệu lực của các biện pháp chính quyền.

Đề nghị tỉnh thiết lập cơ chế tham vấn nội bộ định kỳ (3–6 tháng/lần) với sự tham gia của lãnh đạo các phòng ban, công đoàn cơ sở và đại diện cán bộ, công chức

để lắng nghe tâm tư, nguyện vọng sau tinh giản, điều chỉnh kịp thời những bất cập phát sinh.

Đề xuất giao Sở Nội vụ, Ban Thi đua – Khen thưởng, Sở Thông tin & Truyền thông phối hợp xây dựng Bộ chỉ số đánh giá mức độ hài lòng nội bộ trong tổ chức hành chính, làm căn cứ tham mưu cải tiến môi trường làm việc và điều kiện công tác.

Những kiến nghị này giúp bảo đảm rằng quá trình tinh gọn không chỉ đạt mục tiêu cơ học về biên chế, mà còn duy trì và nâng cao động lực, năng lực và sự gắn kết của đội ngũ công chức - yếu tố quyết định hiệu quả cải cách hành chính lâu dài, từ đó nâng cao chất lượng cuộc sống và sự hài lòng của người dân./.

Nơi nhận:

- BTT UBTWMTTQVN;
- TTTU - HĐND - UBND tỉnh;
- Các Đ/c UV.BTV.TU;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Sở Tài chính; Sở Nội vụ;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Các đoàn thể CT-XH tỉnh;
- Báo AG, Đài PT-TH An Giang;
- BTT, Ủy viên UBMTTQVN tỉnh;
- Trường Đại học An Giang;
- HU, UBND 11 huyện, thị xã, thành phố;
- BTT UBMTTQVN 11 H, TX, TP;
- Các Ban Chuyên môn UBMTTQVN tỉnh;
- Lưu: VT, Ban TG-PT.

**TM. BAN THƯỜNG TRỰC
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Minh Trang